HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 15/2022/NQ-HĐND	*Lào Cai, ngày 18 tháng 10 năm 2022*

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI
KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ TÁM
(Kỳ họp giải quyết công việc phát sinh)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 -2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

Xét Tờ trình số 180/TTr-UBND ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 206/BC-KTNS ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 26/2020/NQ-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Lào Cai như sau:

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết như sau:

"1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết."

2. Bổ sung khoản 4, khoản 5 vào Điều 3 của Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:

"4. Đối với các dự án, kế hoạch liên kết sản xuất: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ sau đầu tư thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

5. Đối với chính sách sử dụng nguồn Chương trình mục tiêu quốc gia: Nội dung, đối tượng hỗ trợ, trình tự, hồ sơ, thủ tục thực hiện chính sách được thực hiện theo quy định cụ thể của từng chương trình."

3. Bổ sung khoản 4, khoản 5, khoản 6 vào Điều 6 của Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:

"4. *Nông nghiệp* quy định tại Nghị quyết này gồm: Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

5. *Nông sản* là sản phẩm của các ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

6. *Đơn vị chủ trì liên kết* là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đề xuất dự án, kế hoạch liên kết để hợp tác với các cá nhân, tổ nhóm cộng đồng, tổ hợp tác để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất trên địa bàn."

4. Bổ sung khoản 4 vào Điều 14 của Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:

"4. Hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý

a) Thực hiện theo các quy định của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế, hướng dẫn triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

b) Mức chi mua sắm trang thiết bị trong hàng rào dự án thực hiện theo mức hỗ trợ được quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 12 của Quy định này."

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 của Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:

"Điều 20. Nguồn kinh phí; công tác lập, giao dự toán và quyết toán kinh phí

1. Công tác lập, giao dự toán kinh phí

a) Đối với các nội dung chính sách hỗ trợ đầu tư: Trước ngày 15 tháng 9 hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ nhu cầu thực tế, lập dự toán gửi Sở Tài chính thẩm định, trình cấp có thẩm quyền giao dự toán kinh phí thực hiện cùng thời gian xây dựng dự toán ngân sách hằng năm;

b) Đối với các nội dung chính sách hỗ trợ sau đầu tư: Trước ngày 15 tháng 9 hàng năm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách kèm theo quyết định phê duyệt đối tượng thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ được cấp thẩm quyền phê duyệt gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh giao dự toán kinh phí thực hiện cùng thời gian xây dựng dự toán ngân sách hằng năm;

c) Trường hợp trong năm phát sinh kinh phí thực hiện, Sở Nông nghiệp và và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tổng hợp dự toán kinh phí thực hiện chính sách (kèm theo quyết định phê duyệt đối tượng

thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ đối với nội dung hỗ trợ sau đầu tư) gửi Sở Tài chính thẩm định, tổng hợp trình cấp thẩm quyền xem xét quyết định.

2. Quyết toán kinh phí: Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật hiện hành.

3. Nguồn kinh phí thực hiện

a) Nguồn Trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia: Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

b) Ngân sách cấp tỉnh;

c) Ngân sách cấp huyện;

d) Nguồn vốn hợp pháp khác.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 của Quy định kèm theo Nghị quyết như sau:

“Điều 21. Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện các chính sách

Trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện các chính sách được quy định chi tiết tại các phụ lục số 01, phụ lục số 02 và phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này.”

Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Khoá XVI, Kỳ họp thứ tám (kỳ họp giải quyết công việc phát sinh) thông qua ngày 18 tháng 10 năm 2022 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 11 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu
- Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán nhà nước khu vực VII;
- TT. TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH&HĐND, UBND tỉnh;
- Công báo, Cổng TTĐT, Báo LC; Đài PT-TH tỉnh;
- Các phòng chuyên môn thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Vũ Xuân Cường

PHỤ LỤC SỐ 01
Trình tự hồ sơ thực hiện chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

A. Trình tự, hồ sơ đối với các nội dung chính sách: Hỗ trợ lãi suất vốn vay; Hỗ trợ tích tụ đất đai; Hỗ trợ phát triển hợp tác xã nông nghiệp; Hỗ trợ xây dựng cơ sở chế biến, bảo quản nông sản, cơ sở giết mổ tập trung quy mô nhỏ và sản xuất phân bón hữu cơ; Hỗ trợ phát triển vùng trồng chè nguyên liệu chất lượng cao; Hỗ trợ phát triển vùng sản xuất dược liệu (trừ dược liệu quý); Hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; Hỗ trợ dự án trồng cây ăn quả; Phát triển sản xuất cây trồng chủ lực của địa phương; Hỗ trợ sản xuất giống vật nuôi; Hỗ trợ phát triển sản xuất nuôi cá lồng trên sông, hồ; Hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống, rải vụ dứa; Hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

I. Trình tự thực hiện

1. Bước 1: Tổ chức, cá nhân gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ chính sách trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến về bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân huyện/thị xã/thành phố (cấp huyện) hoặc quầy giao dịch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

a) Đối với chính sách thực hiện trên địa bàn cấp huyện:

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan giải quyết hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế.

- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Đối với chính sách thực hiện trên địa bàn từ hai huyện/thị xã/thành phố trở lên

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Quầy giao dịch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Cơ quan giải quyết hồ sơ: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân; đơn vị tiếp tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân nếu hồ sơ không đầy đủ (trường hợp nhận hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích). Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp thì đơn vị tiếp nhận hồ sơ có thể hướng dẫn và trả lời trực tiếp cho tổ chức, cá nhân về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

3. Bước 3: Trong thời hạn 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan giải quyết hồ sơ chủ trì thẩm định hồ sơ và mời các đơn vị liên quan thành lập đoàn liên ngành kiểm tra, nghiệm thu thực tế tại cơ sở.

Biên bản nghiệm thu tại cơ sở của đoàn liên ngành (Mẫu số 02, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này) là cơ sở cho cơ quan giải quyết hồ sơ thực hiện các bước tiếp theo, là căn cứ để giải ngân vốn hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân. Ngoài ra, các cơ quan nhà nước không được yêu cầu tổ chức, cá nhân bổ sung các văn bản khác.

4. Bước 4: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc nghiệm thu tại cơ sở, cơ quan giải quyết hồ sơ có văn bản tham mưu trình cấp có thẩm quyền quyết định hoặc có văn bản trả lời tổ chức, cá nhân:

a) Trường hợp nếu tổ chức, cá nhân được nghiệm thu đảm bảo đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định; cơ quan giải quyết hồ sơ tham mưu văn bản trình cấp có thẩm quyền quyết định phê duyệt đối tượng thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ (kèm theo đơn đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân và biên bản nghiệm thu tại cơ sở của đoàn liên ngành);

b) Trong trường hợp nghiệm thu tại cơ sở, tổ chức cá nhân chưa đủ điều kiện hỗ trợ chính theo quy định, cơ quan giải quyết hồ sơ thông báo bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân những nội dung chưa đáp ứng điều kiện hỗ trợ của chính sách và yêu cầu thời gian cho các tổ chức, cá nhân khắc phục.

5. Bước 5: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan giải quyết hồ sơ, Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định phê duyệt đối tượng thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ. Trong trường hợp không phê duyệt, phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

6. Bước 6: Căn cứ quyết định phê duyệt đối tượng thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ của cấp có thẩm quyền, cơ quan tài chính thực hiện giải ngân theo quy định.

Riêng đối với chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay thực hiện như sau: Căn cứ quyết định phê duyệt đối tượng thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ của cấp có thẩm quyền; định kỳ vào ngày 10 của tháng đầu tiên của quý tiếp theo, tổ chức tín dụng nơi cho vay tổng hợp danh sách đối tượng được thụ hưởng phát sinh trong quý trước và có văn bản đề nghị cấp kinh phí gửi cơ quan tài chính cùng cấp; Cơ quan tài chính cùng cấp rà soát, thẩm định, chuyển trả trực tiếp số tiền hỗ trợ lãi suất cho các tổ chức tín dụng cho vay theo quy định; Các tổ chức tín dụng cho vay thực hiện hạch toán kinh phí ngân sách hỗ trợ lãi suất tiền vay cho các tổ chức, cá nhân; đồng thời hạch toán giảm số lãi phải thu của các tổ chức, cá nhân theo quy định hiện hành và thực hiện quyết toán kinh phí với cơ quan tài chính cùng cấp trước ngày 01/3 của năm sau.

II. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ

Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này) và hồ sơ kèm theo tùy theo từng chính sách, như sau:

1. Hỗ trợ lãi suất vốn vay, gồm: Bản sao chứng thực hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân vay vốn và hồ sơ tùy theo nội dung hỗ trợ của từng nội dung chính sách, cụ thể:

a) Đối với dự án khuyến khích khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn; dự án đầu tư xây dựng cơ sở sơ chế, chế biến, bảo quản nông sản; phát triển sản phẩm chủ lực: Bản sao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của cơ quan có thẩm quyền (đối với các dự án thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư) hoặc bản sao văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với các dự án không thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư).

b) Đối với các trang trại sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:

Đối với trang trại trồng trọt, lâm nghiệp, thủy sản, hồ sơ gồm: Bản sao biên bản kiểm tra của cơ quan chuyên môn cấp huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (cấp xã) xác nhận trang trại đã thực hiện đúng các quy định hiện hành về tiêu chí kinh tế trang trại;

Đối với trang trại chăn nuôi, hồ sơ gồm: Bản sao biên bản đánh giá điều kiện chăn nuôi của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với từng trang trại chăn nuôi quy mô vừa và quy mô nhỏ hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn của Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Chính sách hỗ trợ tích tụ đất đai, hồ sơ bao gồm: Hợp đồng thuê đất của tổ chức, cá nhân có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã; Phương án tổ chức sản xuất của tổ chức, cá nhân hoặc dự án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chính sách hỗ trợ phát triển hợp tác xã, hồ sơ bao gồm: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; Hợp đồng thuê lao động; Bản sao sơ yếu lý lịch và văn bằng, chứng chỉ của người lao động được thuê; Báo cáo tình hình hoạt động trong 06 tháng kể từ khi đi vào hoạt động đối với các hợp tác xã mới thành lập; Báo cáo tình hình hoạt động trong 02 năm gần nhất của hợp tác xã đối với các hợp tác xã được hỗ trợ.

4. Các chính sách hỗ trợ cơ sở chế biến nông sản, hỗ trợ cơ sở bảo quản nông sản, hỗ trợ đầu tư cơ sở giết mổ tập trung quy mô nhỏ và hỗ trợ sản xuất phân bón hữu cơ. Hồ sơ bao gồm: Bản sao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của cơ quan có thẩm quyền (đối với các dự án thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư) hoặc bản sao văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với các dự án không thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư); Bản sao giấy phép môi trường hoặc quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường; Quyết định phê duyệt dự án và quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (đối với dự án có tổng mức đầu tư trên 15 tỷ đồng), kèm theo hồ sơ thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công (thuyết minh, bản vẽ, dự toán). Hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật (đối với dự án có tổng mức dưới 15 tỷ đồng), kèm theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (thuyết minh, bản vẽ, dự toán); Hồ sơ hoàn công (bản vẽ hoàn

công, bảng tổng hợp kinh phí); Hợp đồng thi công xây dựng, biên bản nghiệm thu, hóa đơn do cơ quan thuế ban hành (hóa đơn) của đơn vị thi công xây dựng. Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, hóa đơn để mua trang thiết bị (nếu có).

5. Chính sách hỗ trợ trồng chè nguyên liệu chất lượng cao, hồ sơ bao gồm: Bản sao quyết định phê duyệt dự án liên kết của cấp có thẩm quyền hoặc dự án liên kết (Mẫu số 03, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này), kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (Mẫu số 04, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này) được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bản sao chứng thực hợp đồng liên kết; Biên bản thỏa thuận của đơn vị chủ trì liên kết (Mẫu số 05, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau; Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện các nội dung đề xuất hỗ trợ; hóa đơn, chứng từ liên quan đến nội dung đầu tư để xác định chi phí: giống, phân bón, chi phí hỗ trợ quản lý dự án.

6. Chính sách hỗ trợ phát triển vùng sản xuất dược liệu (không bao gồm hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý), hồ sơ bao gồm: Phương án sản xuất; Bản sao chứng thực hợp đồng liên kết; Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện các nội dung đề xuất hỗ trợ; hóa đơn, chứng từ liên quan đến nội dung đầu tư để xác định chi phí (giống, vật tư, phân bón);

7. Chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hồ sơ bao gồm: Hợp đồng liên kết tiêu thụ sản phẩm; Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện các nội dung đề xuất hỗ trợ; hóa đơn, chứng từ liên quan đến nội dung đầu tư để xác định chi phí (vật tư, vật liệu làm nhà lưới, nhà kính);

8. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa:

a) Hỗ trợ trồng cây ăn quả, hồ sơ gồm: Bản sao quyết định phê duyệt dự án liên kết của cấp có thẩm quyền hoặc dự án liên kết (Mẫu số 03, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này), kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (Mẫu số 04, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này) được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bản sao chứng thực hợp đồng liên kết; Biên bản thỏa thuận của đơn vị chủ trì liên kết (Mẫu số 05, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau; Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện các nội dung đề xuất hỗ trợ; hóa đơn, chứng từ liên quan đến nội dung đầu tư để xác định chi phí (giống, vật tư).

b) Hồ sơ tưới tiên tiến, tiết kiệm (nếu có): Bản sao chứng thực hợp đồng liên kết (đối với tổ chức); Bản vẽ hoàn công (được lập trên cơ sở thiết kế mẫu, thiết kế điển hình do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành); Biểu tổng hợp kinh phí được lập trên cơ sở khối lượng hoàn công và báo giá của Sở Giao thông, vận tải - Xây dựng tại thời điểm xây dựng công trình hoặc hóa đơn.

c) Phát triển sản xuất cây trồng chủ lực của địa phương: Bản sao quyết định phê duyệt dự án liên kết của cấp có thẩm quyền hoặc dự án liên kết (Mẫu số 03, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này), kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (Mẫu số 04, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này) được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bản sao chứng thực hợp đồng liên kết; Biên bản thỏa thuận của đơn vị chủ trì liên kết (Mẫu số 05, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị

quyết này) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau; Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng thực hiện các nội dung đề xuất hỗ trợ; hóa đơn, chứng từ liên quan đến nội dung đầu tư để xác định chi phí (giống, vật tư, thiết bị sản xuất).

9. Hỗ trợ sản xuất giống vật nuôi (sản xuất giống trâu, bò; hỗ trợ cơ sở chăn nuôi lợn nái sinh sản tập trung; hỗ trợ sản xuất giống gia cầm), hồ sơ gồm: Bản sao quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư của cơ quan có thẩm quyền (đối với các dự án thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư) hoặc bản sao văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với các dự án không thuộc diện phải chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư); Bản sao giấy phép môi trường hoặc quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của Luật bảo vệ môi trường; Bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp của nhân viên kỹ thuật được đào tạo từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học; Bản sao giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại đối với trang trại quy mô lớn; Biên bản đánh giá điều kiện chăn nuôi trang trại đối với trang trại quy mô vừa và nhỏ; Bản sao quyết định phê duyệt dự án và quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán (đối với dự án có tổng mức đầu tư trên 15 tỷ đồng); Hồ sơ thiết kế cơ sở và thiết kế bản vẽ thi công (thuyết minh, bản vẽ, dự toán). Hoặc quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật đối với dự án có tổng mức dưới 15 tỷ đồng kèm theo hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (thuyết minh, bản vẽ, dự toán); Hồ sơ hoàn công (Bản vẽ hoàn công, bảng tổng hợp kinh phí); Hợp đồng thi công xây dựng, biên bản nghiệm thu, hóa đơn của đơn vị thi công xây dựng. Hợp đồng, biên bản nghiệm thu, hóa đơn mua trang thiết bị (nếu có) do cơ quan thuế ban hành.

10. Chính sách hỗ trợ xây dựng mới cơ sở chăn nuôi lợn đực để khai thác, truyền tinh nhân tạo, hồ sơ gồm: Bản sao chứng thực bằng tốt nghiệp của nhân viên kỹ thuật được đào tạo từ trung cấp trở lên về một trong các chuyên ngành chăn nuôi, thú y, sinh học; Bản sao phiếu lý lịch của từng cá thể lợn đực giống (đối với lợn đực ngoại) hoặc xác nhận lợn đã bình tuyển đạt chất lượng của cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện (đối với lợn đực địa phương); phiếu kiểm dịch vận chuyển (lợn đực nhập từ tỉnh khác về); Biên bản nghiệm thu điều kiện cơ sở sản xuất, mua bán tinh giống vật nuôi của cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện;

11. Chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nuôi cá lồng trên sông, hồ: Bản sao giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè được cơ quan có thẩm quyền cấp.

12. Chính sách hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu giống, rải vụ dứa, hồ sơ gồm: Bản sao quyết định phê duyệt dự án liên kết của cấp có thẩm quyền hoặc dự án liên kết (Mẫu số 03, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này), kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết (Mẫu số 04, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này) được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Bản sao chứng thực hợp đồng liên kết; Biên bản thỏa thuận của đơn vị chủ trì liên kết (Mẫu số 05, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau; Hợp đồng, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng

thực hiện các nội dung đề xuất hỗ trợ; hóa đơn, chứng từ liên quan đến nội dung đầu tư để xác định chi phí (giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, lưới che...).

13. Chính sách hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, hồ sơ gồm: Bản sao chứng thực hợp đồng liên kết đối với tổ chức; Bản vẽ hoàn công được lập trên cơ sở thiết kế mẫu, thiết kế điển hình theo hướng dẫn của Ủy ban nhân dân tỉnh; Biểu tổng hợp kinh phí được lập trên cơ sở khối lượng hoàn công và báo giá của Sở Giao thông, Vận tải - Xây dựng tại thời điểm xây dựng công trình hoặc hóa đơn do cơ quan thuế ban hành.

B. Trình tự, hồ sơ đối với các nội dung chính sách: Hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ; hỗ trợ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật cho đối tượng hỗ trợ là các tổ chức, cá nhân

I. Trình tự thực hiện

1. Bước 1: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc trực tuyến về bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện hoặc quầy giao dịch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

a) Đối với chính sách: Hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ (thực hiện trên địa bàn một huyện/thị xã/thành phố); Hỗ trợ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (đối tượng hỗ trợ là các tổ chức, cá nhân).

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

- Cơ quan giải quyết hồ sơ: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế cấp huyện

- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Đối với chính sách hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ (thực hiện trên địa bàn từ hai huyện, thị xã, thành phố trở lên).

- Đơn vị tiếp nhận hồ sơ: Quầy giao dịch của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh.

- Cơ quan giải quyết hồ sơ: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn

- Cơ quan quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Bước 2: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị của tổ chức, cá nhân; đơn vị tiếp tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ và thông báo cho tổ chức, cá nhân nếu hồ sơ không đầy đủ (trường hợp nhận hồ sơ trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích). Trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp thì đơn vị tiếp nhận hồ sơ có thể hướng dẫn và trả lời trực tiếp cho tổ chức, cá nhân về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ.

3. Bước 3. Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan giải quyết hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt đối tượng thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ.

4. Bước 4: Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan giải quyết hồ sơ, Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định phê

duyệt đối tượng thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ. Trong trường hợp không phê duyệt, phải có văn bản thông báo và nêu rõ lý do.

5. Bước 5: Căn cứ quyết định phê duyệt đối tượng thụ hưởng và kinh phí hỗ trợ của cấp có thẩm quyền, cơ quan tài chính thực hiện giải ngân theo quy định.

II. Hồ sơ hỗ trợ

1. Đơn đề nghị hỗ trợ (Mẫu số 01, Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

2. Hồ sơ kèm theo đơn đề nghị hỗ trợ tùy theo từng chính sách, cụ thể như sau:

a) Hỗ trợ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật: Bản sao giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật được cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

b) Hỗ trợ kinh phí cấp giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn hữu cơ: Bản sao chứng thực giấy chứng nhận hữu cơ.

C. Trình tự thực hiện các chính sách: Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP đạt chứng nhận; Hỗ trợ xây dựng mới trang trại chăn nuôi; Hỗ trợ tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm; Hỗ trợ vật tư, vắc xin, hóa chất trang thiết bị bảo hộ sinh học phục vụ cho công tác phòng, chống dịch bệnh; Hỗ trợ tiêu hủy trâu, bò bị chết do phản ứng quá mẫn sau khi tiêm vắc xin; Hỗ trợ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật cho đối tượng hỗ trợ là cấp xã

I. Hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP đạt chứng nhận

1. Căn cứ quyết định phê duyệt kết quả đánh giá và cấp giấy chứng nhận sản phẩm OCOP của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ gửi Sở Tài chính thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ và phân bổ về cho Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện giải ngân cho các chủ thể có sản phẩm đạt sao OCOP cấp tỉnh theo quy định.

II. Hỗ trợ xây dựng mới trang trại chăn nuôi:

Ủy ban nhân dân cấp huyện hằng năm thực hiện các nội dung sau:

1. Giao Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế cấp huyện chủ trì rà soát, thống kê, tổng hợp danh sách các cơ sở xây dựng mới trang trại chăn nuôi đăng ký thụ hưởng chính sách.

2. Thành lập đoàn kiểm tra, đánh giá điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô vừa và nhỏ theo hướng dẫn tại Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi và Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13 tháng 7 năm 2022 sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi. Kiểm tra giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại quy mô lớn.

3. Ban hành quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ cơ sở xây dựng mới trang trại chăn nuôi trên địa bàn huyện.

4. Niêm yết công khai danh sách, mức hỗ trợ cho các cơ sở chăn nuôi tại Uỷ ban nhân dân cấp xã trong vòng 15 ngày. Thực hiện thanh toán, quyết toán theo quy định; hồ sơ gồm: Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ của Ủy ban nhân dân cấp huyện kèm theo bản sao biên bản đánh giá điều kiện chăn nuôi của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với từng trang trại chăn nuôi quy mô vừa và quy mô nhỏ; giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với trang trại chăn nuôi quy mô lớn.

III. Hỗ trợ tiêm phòng cho gia súc, gia cầm; hỗ trợ vật tư, hóa chất, dụng cụ trang thiết bị bảo hộ sinh học phục vụ cho công tácphòng, chống dịch bệnh

1. Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tổng hợp nhu cầu từ cấp xã, có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm của năm kế tiếp hoặc rà soát, tổng hợp nhu cầu phát sinh khi có dịch xảy ra trên địa bàn.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung gửi Sở Tài chính tổng hợp hoặc bổ sung dự toán, cấp kinh phí khi có dịch bệnh xảy ra trên địa bàn tỉnh.

3. Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm hoặc văn bản chỉ đạo thực hiện của Ủy ban nhân dân các cấp. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì cung ứng vật tư, hóa chất, trang thiết bị phòng chống dịch cho các địa phương; phối hợp với các địa phương tổ chức triển khai thực hiện và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

IV. Hỗ trợ tiêu hủy trâu, bò bị chết do phản ứng quá mẫn sau khi tiêm phòng vắc xin

Trên cơ sở biên bản xác nhận trâu, bò bị chết do phản ứng tiêm phòng vắc xin của cơ quan chuyên môn thú ý cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã; quyết định tiêu hủy của Ủy ban nhân dân cấp huyện và tổng hợp danh sách người tham gia tiêu hủy trâu, bò được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế cấp huyện tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định hỗ trợ cho chủ vật nuôi có trâu, bò bị chết do phản ứng tiêm phòng vắc xin và người trực tiếp tham gia tiêu hủy trâu, bò.

V. Hỗ trợ cơ sở an toàn dịchbệnh động vật cho đối tượng hỗ trợ cấp xã

1. Xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh

a) Hằng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện rà soát, tổng hợp nhu cầu xây dựng mới cơ sở an toàn dịch bệnh cấp xã trên địa bàn, có văn bản gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách hằng năm của năm kế tiếp.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp chung cùng kế hoạch phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm gửi Sở Tài chính.

c) Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và dự toán ngân sách hằng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh; Kế hoạch phòng chống dịch

bệnh gia súc, gia cầm được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành; Kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo thực hiện của Ủy ban nhân dân tỉnh. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì phối hợp với các địa phương tổ chức triển khai thực hiện và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của Luật Ngân sách.

2. Duy trì cơ sở an toàn dịch bệnh

a) Hằng năm, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế cấp huyện rà soát, cập nhật những cơ sở an toàn dịch bệnh cấp xã đã được cơ quan thú y có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh cấp xã, xây dựng kế hoạch trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt cấp kinh phí thực hiện.

b) Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Phòng Kinh tế cấp huyện chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Trạm thú y tổ chức triển khai thực hiện và thực hiện thanh, quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định của Luật ngân sách.

D. Cơ chế giải phóng mặt bằng: Thực hiện theo từng dự án cụ thể, đảm bảo theo các quy định hiện hành.

PHỤ LỤC SỐ 02
Biểu mẫu đề xuất dự án hỗ trợ phát triển vùng dược liệu quý

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 15/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Số, tên biểu mẫu	Ghi chú
1	Mẫu số 01: Đơn đề nghị đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện dự án dược liệu quý	
2	Mẫu số 02: Thuyết minh dự án dược liệu quý	
3	Mẫu số 03: Hồ sơ năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và năng lực của các thành viên liên kết	
4	Mẫu số 04: Lý lịch của chủ nhiệm dự án	
5	Mẫu số 05: Tóm tắt hoạt động công nghệ của tổ chức hỗ trợ ứng dụng công nghệ	
6	Mẫu số 06: Phương án vay vốn	
7	Mẫu số 07: Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết thực hiện dự án dược liệu quý	

Mẫu số 01

TÊN ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……/	*……, ngày ... tháng ... năm ……*

GIẤY ĐỀ NGHỊ

V/v đầu tư, hỗ trợ triển khai thực hiện dự án dược liệu quý

Kính gửi: UBND tỉnh: ……..
UBND huyện/ thị xã/thành phố:……

Chủ trì liên kết dự án (hoặc chủ đầu tư dự án): ……..

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ:

…….....

Giấy đăng ký kinh doanh số …….. ngày cấp ……...

Địa chỉ:

……

Điện thoại: …… Fax: …… Email: ……

Căn cứ kế hoạch triển khai nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025, *(tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết)* đề nghị ……. *(tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết)*:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Dự án Vùng trồng dược liệu quý hoặc Dự án Trung tâm nhân giống: *(tên dự án)* ……

2. Địa bàn thực hiện:

…….....

3. Quy mô dự án

……

4. Tổng nguồn vốn *(vốn ngân sách nhà nước, vốn của chủ trì liên kết, vốn của các thành viên tham gia liên kết, vốn tín dụng ưu đãi)*

……

5. Thời gian thực hiện dự kiến:

……

II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐẦU TƯ CỦA NHÀ NƯỚC

1. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng vùng trồng dược liệu

……

2. Hỗ trợ đầu tư các khu, vùng nuôi trồng dược liệu ứng dụng công nghệ cao

.....

3. Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng đường giao thông kết nối đạt chuẩn cấp V miền núi, hệ thống điện, cấp thoát nước

……

4. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở chế biến dược liệu quý

……..

5. Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở bảo quản dược liệu quý

……

7. Hỗ trợ trực tiếp đào tạo nghề cho lao động tại chỗ

……

8. Hỗ trợ chi phí quảng cáo, xây dựng thương hiệu sản phẩm chủ lực quốc gia và cấp tỉnh

……

9. Hỗ trợ kinh phí thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học, mua bản quyền công nghệ, mua công nghệ hoặc mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ để tạo ra sản phẩm mới, cải tiến công nghệ, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nguyên liệu, nhiên liệu, tiết kiệm năng lượng

……

10. Hỗ trợ chi phí chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi

……

11. Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, khai thác sản phẩm

……

12. Đối với các dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ chi phí sản xuất giống gốc, và chi phí sản xuất giống thương phẩm

……

Chi tiết các năm đề nghị đầu tư, hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm):

……

III. CAM KẾT: ……. *(tên chủ trì liên kết dự)* cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định phê duyệt đầu tư, hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

IV. TÀI LIỆU KÈM THEO *(liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm)*:.. ./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu:

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT DỰ ÁN
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02

THUYẾT MINH DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ

(Ghi cụ thể tên dự án dược liệu quý đề xuất thực hiện)

CHƯƠNG I. MỞ ĐẦU

I. GIỚI THIỆU VỀ CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT THAM GIA THỰC HIỆN DỰ ÁN

1.1. Đơn vị chủ trì liên kết dự án:…….

- Người đại diện theo pháp luật:……
- Chức vụ: …….
- Giấy đăng ký kinh doanh số …….. ngày cấp ……...
- Địa chỉ: ……
- Điện thoại: …….. Fax: ……. Email: ……

1.2. Thành viên tham gia liên kết *(liệt kê đầy đủ các thành viên tham gia liên kết)*

a) Tên đơn vị tham gia liên kết: …….

- Người đại diện theo pháp luật: …….
- Chức vụ: ……
- Giấy đăng ký kinh doanh số …….., ngày cấp: …….
- Địa chỉ: ……..
- Điện thoại: …….. Fax: ……. E-mail: ……..

b) Tên đơn vị tham gia liên kết: ……

- Người đại diện theo pháp luật: ……
- Chức vụ: ……
- Giấy đăng ký kinh doanh số …….., ngày cấp: …….
- Địa chỉ: ……
- Điện thoại: .....

c) *(liệt kê đầy đủ các thành viên tham gia liên kết)* ……..

1.3. Số lượng hộ gia đình tham gia liên kết *(đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết)*

- Tên chủ hộ: …….. Ngày sinh …… Dân tộc ……
- Số thẻ căn cước công dân: ……. ngày cấp …… nơi cấp ……..
- Địa chỉ: ……
- Điện thoại:

II. MÔ TẢ SƠ BỘ THÔNG TIN DỰ ÁN

- Tên dự án: ……
- Địa điểm thực hiện triển khai dự án *(liệt kê đầy đủ các địa điểm triển khai dự án)*: ……
- Tổng diện tích đất, mặt nước, mặt bằng dự kiến: ……...
- Tổng mức đầu tư: ……VNĐ (số tiền bằng chữ .....đồng.)

+ Vốn ngân sách nhà nước..... VNĐ

+ Vốn của chủ trì liên kết:..... VNĐ

+ Vốn của từng thành viên tham gia liên kết:..... VNĐ

+ Vốn tín dụng ưu đãi: ……VNĐ *(của chủ trì liên kết và của từng thành viên liên kết)*

+ Các nguồn vốn hợp pháp khác ..... VNĐ

- Công suất thiết kế và sản phẩm/dịch vụ cung cấp: ……..

III. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ

Nêu tóm tắt về điều kiện tự nhiên, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng; chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển dược liệu gắn với phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh, huyện nơi triển khai dự án dược liệu.

Trên cơ sở đó lựa chọn và phân tích mức độ cần thiết của dự án đối với chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc vùng trong tương lai.

IV. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

(Liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

V. MỤC TIÊU XÂY DỰNG DỰ ÁN

5.1. Mục tiêu chung

5.2. Mục tiêu cụ thể

CHƯƠNG II
ĐỊA ĐIỂM VÀ QUY MÔ THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN VÀ KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

1.1. Điều kiện tự nhiên vùng thực hiện dự án

1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội vùng dự án

1.3. Điều kiện tự nhiên, kinh tế xã hội Huyện, Xã nơi triển khai dự án

II. ĐÁNH GIÁ NHU CẦU THỊ TRƯỜNG

2.1. Nhu cầu thị trường dược liệu

2.2. Tình hình phát triển cây dược liệu ở địa phương

2.3. Sản phẩm và thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án

III. QUY MÔ CỦA DỰ ÁN

3.1. Các hạng mục xây dựng của dự án

3.2. Bảng tính chi phí phân bổ cho các hạng mục đầu tư

IV. ĐỊA ĐIỂM, HÌNH THỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

4.1. Địa điểm xây dựng

4.2. Hình thức đầu tư

V. NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT VÀ PHÂN TÍCH CÁC YẾU TỐ ĐẦU VÀO

5.1. Nhu cầu sử dụng đất

5.2. Phân tích đánh giá các yếu tố đầu vào đáp ứng nhu cầu của dự án

5.3. Các nội dung khác

CHƯƠNG III
PHÂN TÍCH QUY MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ

I. PHÂN TÍCH QUY MÔ, DIỆN TÍCH XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

II. KỸ THUẬT NHÂN GIỐNG / TRỒNG CÂY DƯỢC LIỆU THEO GACP-WHO

2.1. Khái quát về cây dược liệu *(giới thiệu về nguồn gen, nguồn gốc giống, bảo tồn lưu giữ, nguồn gen, chọn tạo giống, sản xuất giống gốc, giống thương phẩm, kỹ thuật canh tác, chăm sóc, thu hái, bảo quản...)*

2.2. Nội dung chủ yếu nuôi trồng dược liệu đạt GACP-WHO *(theo hướng dẫn tại Thông tư số 19/2019/TT-BYT ngày 30 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định Thực hành tốt nuôi trồng, thu hái dược liệu và các nguyên tắc, tiêu chuẩn khai thác dược liệu tự nhiên)*

III. PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT, CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG TƯỚI TIÊU VÀ VƯỜN ƯƠM

3.1. Hệ thống tưới tiêu ……

3.2. Hệ thống vườn ươm ……

3.3. Hệ thống đồng ruộng ……

3.4. Hệ thống kỹ thuật, công nghệ khác (nếu có) ……

IV. QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ, CHẾ BIẾN VÀ BẢO QUẢN DƯỢC LIỆU

4.1. Quy trình công nghệ sơ chế, chế biến sau thu hoạch ……

4.2. Quy trình công nghệ, chế biến, sản xuất dược liệu đạt GMP *(theo hướng dẫn Thông tư số 35/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về Thực hành tốt sản xuất thuốc, nguyên liệu làm thuốc)* ……

4.3. Quy trình công nghệ bảo quản dược liệu đạt GSP *(theo hướng dẫn Thông tư số 36/2018/TT-BYT ngày 22 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định về Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu làm thuốc)* ……

CHƯƠNG IV
CÁC PHƯƠNG ÁN THỰC HIỆN DỰ ÁN

I. PHƯƠNG ÁN GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG, TÁI ĐỊNH CƯ VÀ HỖ TRỢ XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG

1.1. Chuẩn bị mặt bằng ……

1.2. Phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư: ……

1.3. Phương án hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật ……..

1.4. Giải pháp thiết kế mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật …….

1.5. Phương án tổ chức thực hiện ……

1.6. Phân đoạn thực hiện và tiến độ thực hiện, hình thức quản lý ……..

1.7. Các giải pháp khác (nếu có) …….

II. NỘI DUNG LIÊN KẾT CỦA DỰ ÁN

2.1. Liên kết cung cấp và sử dụng giống cây dược liệu

2.2. Sản phẩm dược liệu quý thực hiện liên kết: ……

2.3. Quy mô liên kết: ……

2.4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: ……

2.5. Hình thức liên kết: ……

2.6. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: ……

2.7. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

2.8. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

CHƯƠNG V
ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

I. GIỚI THIỆU CHUNG

II. CÁC QUY ĐỊNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN VỀ MÔI TRƯỜNG.

III. NHẬN DẠNG, DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG CHÍNH CỦA DỰ ÁN ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG

3.1. Giai đoạn thi công xây dựng công trình

3.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

IV. PHÂN TÍCH, ĐÁNH GIÁ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN VỀ QUY MÔ, CÔNG NGHỆ SẢN XUẤT

V. BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU MÔI TRƯỜNG

5.1. Giai đoạn xây dựng dự án

5.2. Giai đoạn đưa dự án vào khai thác sử dụng

VI. KẾT LUẬN

CHƯƠNG VI
VỐN ĐẦU TƯ HỖ TRỢ THỰC HIỆN VÀ HIỆU QUẢ CỦA DỰ ÁN

I. TỔNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ NGUỒN VỐN.

1.1 .Tổng vốn đầu tư và nguồn vốn của dự án ……

(Các nội dung tổng mức đầu tư, chi phí xây, lắp đặt, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và dự phòng phí - giải trình các khoản đầu tư) ……

1.2. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư của từng thành viên liên kết tham gia dự án *(vốn ngân sách nhà nước, vốn chủ trì liên kết, vốn thành viên tham gia liên kết, vốn tín dụng ưu đãi) …….*

II. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

2.1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ *(chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).*

- Hỗ trợ cho thuê đủ môi trường rừng để triển khai dự án *(cụ thể chi tiết địa điểm, diện tích, mục đích, thời gian, phương án bảo vệ môi trường rừng,...)*

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết *(nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...)*

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết *(số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)*..

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông *(chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)* …

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn *(số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí,……)* ……

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm *(số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí, ……..)* ……

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...) ……

- Đối với các dự án Trung tâm nhân giống ứng dụng công nghệ cao *(số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng giống, dự toán chi phí sản xuất giống gốc, giống thương phẩm,....)* ……..

2.2. Đối ứng của thành viên tham gia liên kết ……

2.3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ …….

a) Thời gian hỗ trợ *(chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)* ……

b) Kinh phí hỗ trợ *(chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)*

……

Tổng số kinh phí xin hỗ trợ ……

2.4. Các hồ sơ gửi kèm *(chủ trì dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết)*

III. HIỆU QUẢ VỀ MẶT KINH TẾ VÀ XÃ HỘI CỦA DỰ ÁN.

3.1. Đánh giá hiệu quả về mặt kinh tế của dự án.

3.1.1. Nguồn vốn dự kiến đầu tư của dự án.

3.1.2. Dự kiến nguồn doanh thu và công suất thiết kế của dự án:

3.1.3. Các chi phí đầu vào của dự án:

3.1.4. Phương án vay vốn *(vốn vay tín dụng ưu đãi tại ngân hàng chính sách xã hội, vốn vay tại các Tổ chức tín dụng khác)* ……

3.1.5. Các thông số tài chính của dự án *(Kế hoạch hoàn trả vốn vay, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn giản đơn, Khả năng hoàn vốn và thời gian hoàn vốn có chiết khấu)* ……

3.2. Tác động của dự án đối với xã hội *(Chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương)* ……

CHƯƠNG VII
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ trì liên kết xây dựng kế hoạch, tiến độ dự kiến cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

(Chi tiết các nội dung, tiến độ thực hiện, sản phẩm và kinh phí dự kiến)

2.1. Tổ chức thực hiện của chủ trì liên kết.

2.2. Tổ chức thực hiện của các thành viên liên kết (liệt kê tất cả của từng thành viên liên kết)

III. KIẾN NGHỊ

(Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế).

Ngày....tháng....năm 202..

Đơn vị chủ trì liên kết dự án

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 03

HỒ SƠ NĂNG LỰC CỦA ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT VÀ NĂNG LỰC CỦA CÁC THÀNH VIÊN LIÊN KẾT

. Tên tổ chức:

Năm thành lập:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

Email:

2. Chức năng nhiệm vụ và loại hình sản xuất, kinh doanh *(minh chứng các lĩnh vực liên quan đến dự án đề xuất)*

3. Tổng số cán bộ có trình độ từ trung cấp trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức

- Tiến sỹ:
- Thạc sỹ:
- Đại học:
- Cao đẳng và trung cấp kỹ thuật:

4. Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến việc tiếp nhận và triển khai công nghệ của Tổ chức chủ trì liên kết và Chủ nhiệm dự án (nêu thành tựu cụ thể trong tiếp nhận, triển khai công nghệ và chỉ đạo sản xuất kinh doanh)

5. Cơ sở vật chất kỹ thuật và những lợi thế để thực hiện dự án

- Nhà xưởng, điều kiện về mặt bằng triển khai dự án:
- Thiết bị máy móc sẵn có phục vụ cho việc triển khai dự án:

. Khả năng huy động các nguồn vốn khác (ngoài ngân sách) để thực hiện dự án

- Vốn tự có ..... triệu đồng.
- Vốn vay tại Ngân hàng chính sách xã hội (nếu có) …….. triệu đồng.
- Vốn vay tại các tổ chức tín dụng khác: ……... triệu đồng.
- Nguồn vốn khác: ……. triệu đồng.

7. Năng lực tài chính

Stt	Nội dung	Năm ___	Năm ___	Năm ___
1	*Tổng tài sản*			
2	*Tổng nợ phải trả*			
3	*Tài sản ngắn hạn*			
4	*Tổng nợ ngắn hạn*			
5	*Doanh thu*			
6	*Lợi nhuận trước thuế*			
7	*Lợi nhuận sau thuế*			
8	*Các nội dung khác (nếu có)*			

8. Các giấy tờ kèm theo chứng minh năng lực

8.1. Hồ sơ pháp lý

- Bản sao có chứng thực hoặc công chứng các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

(i) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

(ii) Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

(iii) Điều lệ của doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác.

(iv) Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ tổ chức hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

(v) Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người làm chủ nhiệm dự án và lý lịch cá nhân chủ nhiệm dự án (Mẫu số 04).

(vi) Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của thành viên đại diện hộ gia đình đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Bản gốc/bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền chủ sở hữu doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác chấp thuận/phê duyệt cho doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác vay vốn tại NHCSXH (theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ doanh nghiệp/hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/tổ chức khác có quy định).

- Bản gốc/bản chính/bản sao có chứng thực Giấy ủy quyền (nếu có).

8.2. Hồ sơ về tài chính và sản xuất kinh doanh *(của chủ trì liên kết/hoặc liên danh của chủ trì liên kết)*

- Báo cáo tài chính tối thiểu 02 năm hoặc báo cáo gần nhất đối với trường hợp thành lập dưới 02 năm, gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh; Thuyết minh báo cáo tài chính; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính trong năm kế hoạch trong thời gian vay vốn.

8.3. Danh sách sử dụng lao động đến thời điểm thực hiện dự án bao gồm: Tên lao động, số CCCD, Dân tộc, Loại hợp đồng lao động, thời hạn hợp đồng lao động.

……, ngày ... tháng ... năm 20...

ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ /THÀNH VIÊN LIÊN KẾT DỰ ÁN

Mẫu số 04

LÝ LỊCH CỦA CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

. Thông tin chung về cá nhân chủ trì dự án

Họ và tên:
Ngày tháng năm sinh:
Nam, nữ:
Địa chỉ
Điện thoại: CQ: NR: Mobile:
Fax: Email:
Chức vụ:

B. Trình độ đào tạo

1. Trình độ chuyên môn

Học vị/học hàm:
Năm nhận bằng:
Chuyên ngành đào tạo:
Quá trình, nơi và chuyên ngành đào tạo:

2. Các khóa học chuyên môn khác đã hoàn thành

Lĩnh vực:
Năm:
Nơi đào tạo:

C. Kinh nghiệm về quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh và tiếp nhận, triển khai công nghệ

Số năm kinh nghiệm:
Số dự án đã chủ trì tiếp nhận và triển khai:

TT	Tên dự án	Tên tổ chức chủ trì	Năm bắt đầu-kết thúc
1.			
2.			

D. Thành tựu hoạt động trong công tác tổ chức tiếp nhận, chuyển giao, triển khai công nghệ và sản xuất kinh doanh khác

** Chủ nhiệm dự án cần đáp ứng các tiêu chí sau:*

a. Là người lao động thuộc Tổ chức chủ trì liên kết dự án.

b. Có trình độ từ cao đẳng trở lên.

c. Có chuyên môn hoặc vị trí công tác phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực dược liệu, nông nghiệp.

……, ngày ... tháng ... năm ……

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ NƠI LÀM VIỆC CỦA CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
(xác nhận và đóng dấu)

CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM DỰ ÁN
(Họ tên và chữ ký)

Mẫu số 05

TÓM TẮT HOẠT ĐỘNG CÔNG NGHỆ CỦA TỔ CHỨC HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

1. Tên tổ chức: Năm thành lập: Địa chỉ: Điện thoại: Fax: Email:
2. Chức năng nhiệm vụ và loại hình hoạt động công nghệ hoặc sản xuất kinh doanh liên quan đến dự án:
3. Xác nhận về các quy trình cần hỗ trợ ứng dụng công nghệ:
4. Tổng số cán bộ có trình độ từ đại học trở lên có chuyên môn phù hợp với nội dung dự án của tổ chức: - Tiến sỹ: - Thạc sỹ: - Đại học:
. Kinh nghiệm và thành tựu trong 5 năm gần nhất liên quan đến các quy trình công nghệ cần chuyển giao của các cán bộ trực tiếp tham gia dự án (nêu lĩnh vực chuyên môn, số năm kinh nghiệm, thành tựu tiếp nhận, triển khai và chỉ đạo sản xuất kinh doanh)

……, ngày ... tháng ... năm 20...
THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC HỖ TRỢ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ
(ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 06

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN VAY VỐN
Tham gia Dự án dược liệu quý

Kính gửi: - ……..
- Ngân hàng Chính sách xã hội …….

I. THÔNG TIN CỦA KHÁCH HÀNG

1. Tên cơ sở sản xuất kinh doanh: ……

2. Họ và tên người đại diện: …… Chức vụ: ……

- Chứng minh nhân dân/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân số: ……

- Ngày cấp: …… Nơi cấp: ……

3. Giấy ủy quyền (nếu có) số …….. ngày …/.../…… của ……..

4. Địa chỉ: ……

5. Điện thoại: ……

6. Mã số thuế: ……

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh số: …….

Do …….. Cấp ngày ……

8. Quyết định thành lập số[1]: ……

9. Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư[2] số: …….

Do …….. Cấp ngày ……

10. Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề[3] số: ……. thời hạn còn hiệu lực (tháng, năm) ……

11. Tài khoản thanh toán số: ……. tại Ngân hàng ……..

12. Vốn tự có/vốn điều lệ/vốn góp: ……

II. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH

1. Khái quát tình hình sản xuất kinh doanh

a) Thông tin chung về ngành nghề sản xuất kinh doanh: ……..

b) Hiện trạng cơ sở vật chất, kỹ thuật:

- Văn phòng, chi nhánh, cửa hàng kinh doanh (diện tích, địa chỉ): …….

- Nhà xưởng, kho bãi (số lượng, diện tích, địa chỉ, tình trạng hoạt động): …….

- Trang thiết bị, phương tiện, máy móc (số lượng, giá trị, tình trạng hoạt động):

……

- Đất sản xuất (diện tích, địa chỉ): ……

- Cây trồng, vật nuôi (số lượng, giá trị): …….

2. Tóm tắt tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Tình hình tài chính đến ngày ..../.../20....:

- Vốn chủ sở hữu:.....đồng

- Nợ phải thu.....đồng

- Hàng tồn kho.....đồng

- Nợ phải trả.....đồng

Trong đó, dư nợ vay tại các tổ chức tín dụng: .....đồng

b) Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng

- Quan hệ tín dụng với Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH)

Tổng dư nợ: …… đồng, trong đó: nợ quá hạn:.....đồng. Cụ thể:

+ Dư nợ chương trình …..: …… đồng, trong đó: nợ quá hạn.....đồng;

+ Dư nợ chương trình ……..: …… đồng, trong đó: nợ quá hạn.....đồng.

- Quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác

STT	Tên Tổ chức tín dụng	Hình thức cấp tín dụng	Mục đích cấp tín dụng	Dư nợ		Nhóm nợ	Tài sản bảo đảm (loại TSBĐ, giá trị)
				VNĐ (trđ)	Ngoại tệ		

c) Kết quả sản xuất kinh doanh của 02 năm trước thời điểm vay vốn (nếu có)

- Năm ……:

+ Tổng doanh thu .....đồng

+ Tổng chi phí.....đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp:.....đồng

+ Lợi nhuận: .....đồng

- Năm ……:

+ Tổng doanh thu .....đồng

+ Tổng chi phí.....đồng

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp:.....đồng

+ Lợi nhuận: .....đồng

3. Tình hình sử dụng lao động

Tổng số lao động hiện có: …… lao động, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số là ……. người (chiếm ……..% tổng số lao động).

III. THÔNG TIN VỀ PHƯƠNG ÁN VAY VỐN VÀ SỬ DỤNG VỐN VAY

1. Tên phương án vay vốn: …….

- Địa điểm thực hiện phương án: ……..

- Thời gian thực hiện phương án: từ tháng …./20…… đến tháng …./20……

- Thông tin Dự án phát triển vùng trồng dược liệu quý/ Dự án trung tâm nhân giống khách hàng tham gia (sau đây gọi tắt là Dự án):

+ Tên Dự án: ……

+ Địa điểm thực hiện: …….

+ Tổng vốn đầu tư: …….

+ Thời gian thực hiện:……

+ Mô tả sơ lược về Dự án (sản phẩm, quy trình, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, thị trường,....): ……

+ Vai trò, vị trí của khách hàng trong Dự án: …….

+ Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt: …….

2. Tóm tắt nội dung phương án vay vốn và sử dụng vốn vay

a) Phương án vay vốn tham gia Dự án dược liệu[4]

- Mở rộng, cải tạo nhà xưởng, kho bãi:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: ……

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: ……

- Mở rộng, cải tạo đất sản xuất:

+ Diện tích mở rộng, cải tạo: ……

+ Chi phí mở rộng, cải tạo: ……

- Đầu tư trang thiết bị:

+ Máy móc, thiết bị (chủng loại, số lượng, giá trị): …….

+ Phương tiện (chủng loại, số lượng, giá trị): …….

- Đầu tư cây, con giống (chủng loại, số lượng, giá trị): …….

- Đầu tư vốn lưu động: Vật tư, nguyên, nhiên liệu, hàng hóa, dịch vụ (chủng loại, số lượng, giá trị): …….

- Đầu tư khác: ……

b) Phương án sử dụng lao động

Tổng số lao động tham gia: …… lao động, trong đó: lao động là người dân tộc thiểu số là ……. người (chiếm …….% tổng số lao động).

c) Tổng nguồn vốn thực hiện phương án và cơ cấu nguồn vốn

Tổng nguồn vốn thực hiện phương án.....đồng.
Trong đó:

- Vốn tự có: ……đồng, tỷ lệ:.....%;
- Vốn vay tại NHCSXH: …….....đồng, tỷ lệ:.....%;
- Vốn vay tại các TCTD khác: ……..…..đồng, tỷ lệ:.....%;
- Vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước (nếu có): ……. ..đồng, tỷ lệ.....%;
- Vốn huy động khác: …… đồng, tỷ lệ:.....%.

d) Hiệu quả kinh tế của phương án *(theo số năm thực hiện phương án)*

Đơn vị: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm ...	Năm ...	……
1	Tổng doanh thu			
2	Tổng chi phí			
	Trong đó: khấu hao			
3	Thuế TNDN			
4	Lợi nhuận			

Thời gian dự kiến hoàn vốn: tháng ……/20……

IV. ĐỀ NGHỊ VAY VỐN

Đề nghị Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay để thực hiện phương án vay vốn tham gia Dự án dược liệu, cụ thể như sau:

1. Số tiền vay:..... đồng

(Bằng chữ:……)

2. Mục đích vay: ……

3. Thời hạn vay:.....tháng.

4. Lãi suất vay:.....%/năm.

5. Trả gốc theo định kỳ.....tháng/lần.

6. Trả lãi theo định kỳ: hàng tháng.

7. Nguồn và kế hoạch trả nợ *(theo số năm vay vốn)*

TT	Chỉ tiêu	Năm …	Năm …	……
1	Nguồn từ phương án			
a	*Khấu hao*			
b	*Lợi nhuận*			
2	Nguồn khác			

3	Tổng nguồn trả nợ			

8. Dự kiến tài sản bảo đảm tiền vay

TT	Tên tài sản	Số lượng	Giá trị ước tính (đồng)	Giấy tờ về tài sản

V. CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác, trung thực của các thông tin, tài liệu đã cung cấp[5]; cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Ngân hàng Chính sách xã hội nếu có thay đổi các thông tin liên quan trong quá trình vay vốn.

2. Việc ký kết, thực hiện các thủ tục vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội không vi phạm quy định của pháp luật, quy định nội bộ của bên vay vốn cũng như các cam kết, thỏa thuận giữa bên vay vốn và bất kỳ chủ thể nào khác.

3. Tuân thủ các quy định về cho vay, chịu sự kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của Ngân hàng Chính sách xã hội và các cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ các cam kết với Ngân hàng Chính sách xã hội, sử dụng tiền vay đúng mục đích, đúng đối tượng, trả nợ đầy đủ, đúng hạn theo kế hoạch.

5. Tài sản bảo đảm tiền vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện, thực hiện thủ tục công chứng, chứng thực, xác nhận và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật và Ngân hàng Chính sách xã hội; phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận của các bên và quy định của pháp luật.

6. Tại thời điểm đề nghị vay vốn, không có nợ xấu tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài./.

……, ngày ... tháng ... năm ……
Người đại diện vay vốn
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

[1] Đối với tổ chức được thành lập theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

[2] Đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài.

[3] Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật quy định.

[4] Ghi cụ thể các nội dung đầu tư bằng nguồn vốn vay NHCSXH

[5] Bao gồm thông tin, tài liệu cung cấp tại Phương án vay vốn này và danh mục tài liệu cung cấp kèm theo.

DANH MỤC TÀI LIỆU
KÈM THEO PHƯƠNG ÁN VAY VỐN

I. Hồ sơ pháp lý

1. Bản sao có chứng thực hoặc công chứng các giấy tờ phù hợp với loại hình hoạt động:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã/hộ kinh doanh; Quyết định thành lập của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

b) Giấy phép kinh doanh/Giấy phép hoạt động/Chứng chỉ hành nghề (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện hoặc pháp luật có quy định); Giấy phép đầu tư/Giấy chứng nhận đầu tư (đối với doanh nghiệp được thành lập bởi nhà đầu tư nước ngoài).

c) Điều lệ của pháp nhân hoặc văn bản pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ của pháp nhân.

d) Văn bản bổ nhiệm hoặc cử người đứng đầu pháp nhân theo quy định của điều lệ tổ chức hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

đ) Văn bản/tài liệu hợp lệ xác định cổ đông, thành viên góp vốn (nếu có).

e) Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân/Hộ chiếu còn hiệu lực của khách hàng hoặc người đại diện hợp pháp của khách hàng.

2. Bản gốc/bản chính văn bản của chủ sở hữu hoặc đại diện có thẩm quyền thực hiện quyền chủ sở hữu pháp nhân chấp thuận/phê duyệt cho pháp nhân vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội (theo quy định của pháp luật hoặc điều lệ của pháp nhân có quy định).

3. Bản gốc/bản chính/bản sao có chứng thực văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật (nếu có), trong đó có nội dung ủy quyền về số tiền vay, mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn vay vốn, tài sản bảo đảm.

II. Hồ sơ về tài chính và sản xuất kinh doanh của khách hàng

1. Bản gốc/Bản chính Báo cáo tài chính nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và/hoặc Báo cáo tài chính đã kiểm toán của 02 năm gần nhất; hoặc tình hình tài chính quý gần nhất hoặc Báo cáo tài chính năm gần nhất đối với trường hợp thành lập dưới 02 năm.

2. Bản sao giấy tờ về tài sản bảo đảm tiền vay.

3. Bản chính kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính trong thời gian vay vốn.

4. Bản sao Hợp đồng kinh tế giữa khách hàng với các đối tác mua, bán hàng (nếu có).

III. Bản sao hồ sơ đề xuất tham gia Dự án của khách hàng

Mẫu số 07

BẢN THỎA THUẬN VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ TRÌ LIÊN KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ

Ngày …… tháng …… năm ……., tại …….., ……. chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết: ……

- Người đại diện theo pháp luật: ……
- Chức vụ: ……
- Giấy đăng ký kinh doanh số ……., ngày cấp: ……...
- Địa chỉ: ……....
- Điện thoại: ……, Fax: …….. E-mail ……..

2. Tên đơn vị tham gia liên kết: ……

- Người đại diện theo pháp luật: ……
- Chức vụ: ……
- Giấy đăng ký kinh doanh số ……., ngày cấp:……....
- Địa chỉ: ……
- Điện thoại: ……, Fax: …….. E-mail ……...

3. ……

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ trì liên kết như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ: (tên đơn vị).

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ

2.1. Liên kết cung cấp và sử dụng giống cây dược liệu từ dự án Trung tâm giống với dự án vùng trồng dược liệu *(thuộc nội dung dược liệu)*

2.2. Sản phẩm dược liệu thực hiện liên kết: ……

2.3. Quy mô liên kết: ……

2.4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: ……...

2.5. Hình thức liên kết: ……

2.6. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: ……...

III. **TỔNG ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN DƯỢC LIỆU QUÝ:** *(tổng các nguồn vốn được huy động của các thành viên liên kết tham gia để thực hiện dự án)* …….. đồng, trong đó:

1. Tổng vốn đề nghị hỗ trợ từ ngân sách nhà nước.....đồng

- ……. (tên đơn vị tham gia liên kết).....……đồng
- ……. (tên đơn vị tham gia liên kết): ..... ……đồng

2. Tổng vốn tự có của các bên tham gia liên kết…….đồng

- …… (tên đơn vị tham gia liên kết) ..... …….đồng
- ……. (tên đơn vị tham gia liên kết)..... ……đồng

3. Tổng vốn vay *(vốn vay tại NHCSXH + vốn vay tại TCTD khác)*

3.1 Vốn vay tại NHCSXH. .....…….đồng

- ……. (tên đơn vị tham gia liên kết) .....đồng

- …… (tên đơn vị tham gia liên kết) ..... đồng

3.2 Vốn vay tại TCTD khác.....……..đồng

- …… (tên đơn vị tham gia liên kết): .....đồng

- …… (tên đơn vị tham gia liên kết) ..... đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết) ……....

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận ….....

3. Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án dược liệu. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án dược liệu đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

4. Bản thỏa thuận này được lập thành …….. bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ …… bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ.....bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT	**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT	**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

PHỤ LỤC SỐ 03
Danh mục biểu mẫu

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 18/2022/NQ-HĐND ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Số, tên biểu mẫu	Ghi chú
1	Biểu mẫu 01: Đơn đề nghị hỗ trợ	
2	Biểu mẫu 02: Biên bản nghiệm thu cơ sở	
3	Biểu mẫu 03: Dự án liên kết	
4	Biểu mẫu 04: Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết	
5	Biểu mẫu 05: Biên bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết)	

Biểu mẫu 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
Hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ……(1)…..
theo Nghị quyết số (2)……..của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai

Kính gửi: ……..(3)……..

I. Phần dành cho đối tượng thụ hưởng là các cá nhân

Tên tôi là:……Nam/nữ……..

Sinh ngày:……tháng……. Năm .....; Dân tộc:…….

Số CMND/Thẻ căn cước: Số……..... ngày cấp….tháng… năm……. Nơi cấp……

II. Phần dành cho đối tượng là Tổ chức

Tên tổ chức:.....

Người đại diện.....;

Số CMND/Thẻ căn cước: Số……..... ngày cấp….tháng… năm……. Nơi cấp……..

Chức vụ:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại..... Fax:..... Email:.....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số……., ngày cấp……

Ngành nghề đăng ký kinh doanh:……...

III. Phần chung

Căn cứ Nghị quyết số (2)……, tôi (chúng tôi) đề nghị được hỗ trợ với các nội dung sau:

1. Nội dung đề nghị được hỗ trợ:……(4)……

2. Số tiền đề nghị được hỗ trợ: ..... (5)……

Bằng chữ: ……

3. Tên người thụ hưởng:..... số tài khoản .....tại ngân hàng/Kho bạc..... (nếu nhận hỗ trợ theo hình thức chuyển khoản).

Tôi cam kết các nội dung nêu trên là đúng sự thật và tôi chưa nhận hỗ trợ nội dung này theo chính sách hỗ trợ khác của Nhà nước. Nếu khai sai, tôi sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận hỗ trợ. Chúng tôi cam kết sử dụng số tiền hỗ trợ trên đúng mục đích, nội dung đầu tư và chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết của mình./.

Tài liệu gửi kèm ……(6)……..

(1) …….

(2) …….

……(7)…ngày .....tháng .... năm……

XÁC NHẬN CỦA
ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ…(8)…….
(Ký và ghi rõ họ tên,đóng dấu)

(1) Ghi rõ tên các chính sách được hỗ trợ

(2) Căn cứ nội dung chính sách hỗ trợ để xác định căn cứ

(3) Nơi kính gửi: Tùy theo Kế hoạch, Dự án, Phương án thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh hay UBND cấp huyện:

- Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân tỉnh

- Cấp huyện: Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế; Ủy ban nhân dân cấp huyện

(4) Liệt kê, ghi rõ cụ thể, chi tiết các nội dung được hỗ trợ theo Nghị quyết.

(5) Cách tính số tiền được hỗ trợ dựa trên đơn giá, định mức kỹ thuật theo các văn bản quy định hiện hành và quy định tại Nghị quyết số (2)..... Ghi tổng số tiền được hỗ trợ và liệt kê chi tiết số tiền tương ứng với nội dung đề nghị hỗ trợ.

(6) Hồ sơ cụ thể của từng chính sách được quy định tại Phụ lục số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này

(7) Ghi theo địa danh.

(8) Tên Tổ chức/Cá nhân đề nghị hỗ trợ

Biểu mẫu 02

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……(1)……., ngày tháng năm 20……

BIÊN BẢN
NGHIỆM THU CƠ SỞ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH …(2) **……..**

Căn cứ Nghị quyết số (3) .....;

Hôm nay, ngày……. tháng ……. năm 202...., Tại: Thôn (bản)....., xã, phường, thị trấn……, huyện……, tỉnh Lào Cai.

I. Thành phần nghiệm thu:

1. Cơ quan chủ trì .....(4)

- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....
- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....

2. Đại diện Sở hoặc Phòng..... (5).....

- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....
- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....

3. Đại diện Sở hoặc Phòng.....(6).....

- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....
- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....

4. Đại diện Sở hoặc Phòng .....(7).....

- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....
- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....

5. Đại diện UBND xã (phường, thị trấn):

- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....
- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....

II. Đại diện Đơn vị/cá nhân thụ hưởng chính sách(8)

- Ông (bà)..... …….Chức vụ: .....

III. Nội dung và kết quả nghiệm thu

Đã tiến hành nghiệm thu cơ sở kết quả thực hiện hỗ trợ chính sách.....(2).....theo Nghị quyết số (3)....., như sau:

1. Thời gian tiến hành nghiệm thu:

- Bắt đầu: giờ ngày tháng năm 20……..
- Kết thúc: giờ ngày tháng năm 20……..

2. Nội dung, kết quả nghiệm thu

a) Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu: ……. (9)…….

b) Quy mô, chất lượng dự án, hạng mục dự án (đối chiếu định mức hỗ trợ, thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn kỹ thuật/quy định chuyên ngành)……..(10)……

c) Các nội dung/ý kiến khác nếu có.

3. Kết luận

- Kết quả thực hiện có đạt yêu cầu so với các điều kiện của chính sách và các văn bản quy định liên quan không?

- Tổ chức/cá nhân có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ? nêu rõ lý do.....

- Yêu cầu, kiến nghị (nếu có).

- Tổng mức đầu tư: ..... đồng.

- Căn cứ tổng mức đầu tư, quy định theo chính sách và kết quả nghiệm thu, các bên nghiệm thu thống nhất, xác định số tiền hỗ trợ theo định mức được quy định theo Nghị quyết (3)..... của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.....đồng.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này. Biên bản lập xong hồi cùng ngày, đã được các thành viên thông qua, nhất trí ký tên vào biên bản; biên bản được lập thành .....bản, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thực hiện./.

Đại diện	**Đại diện**
Cơ quan chủ trì..... (4).....	**Sở hoặc Phòng ……..(5)……**
Đại diện	**Đại diện**
Sở hoặc Phòng ……..(6)……	**Sở hoặc Phòng……..(7)……**
Đại diện	**Đơn vị/cá nhân thụ hưởng chính sách**
UBND xã (phường, thị trấn)	

(1) Ghi theo địa danh.
(2) Ghi theo tên chính sách đề nghị hỗ trợ
(3) Ghi tên theo Nghị quyết
(4) Ghi theo tên cơ quan chủ trì
- Cấp tỉnh: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- Cấp huyện: Phòng Nông nghiệp và PTNT
(5), (6), (7) Ghi tên đơn vị theo phân cấp/thẩm quyền phê duyệt hỗ trợ theo quy định của Nghị quyết (cấp tỉnh là các Sở ngành; cấp huyện là Phòng chuyên môn thuộc huyện) và theo từng chính sách cụ thể.
(8) Ghi tên tổ chức/cá nhân được thụ hưởng. Trong trường hợp nội dung chính sách có nhiều hộ thực hiện/được hưởng lợi thì ghi tên đại diện hộ hưởng lợi và danh sách chi tiết từng hộ kèm theo.
(9) Ghi rõ tên, thành phần số lượng tài liệu căn cứ nghiệm thu: Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư dự án (nếu có); Dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hồ sơ minh chứng các nội dung được hỗ trợ đảm bảo theo quy định của từng lĩnh vực chuyên ngành.
(10) Các thành phần tham gia nghiệm thu căn cứ lĩnh vực quản lý chuyên ngành thực hiện nghiệm thu hồ sơ và nghiệm thu theo thực tế/nghiệm thu các hạng mục đầu tư theo quy định.

Biểu mẫu số 03

TÊN CHỦ ĐẦU TƯ **DỰ ÁN LIÊN KẾT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……./…….	*……, ngày…….tháng……..năm…….*

DỰ ÁN LIÊN KẾT

Phần I
GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT: .....

II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Chủ dự án liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... ,ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số……, ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:……. Fax: ……E-mail .....

b) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số……, ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại:…… ……. Fax: ……E-mail .....

c) .....

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết) .....

III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT: .....

IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết) .....

Phần II
NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:.....

II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...

2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).

3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....

2. Quy mô liên kết: .....

3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....

4. Hình thức liên kết: .....

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.

7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết (nội dung, thời gian tư vấn, dự toán chi phí,...) .....

- Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (số lượng, công trình, thời gian, đối tượng, dự toán chi phí, bản vẽ thiết kế, chi tiết mô tả công trình và các giấy tờ liên quan...)

- Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông (chi tiết mô hình, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan theo quy định của Chương trình khuyến nông,...)

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn (số lượng, nội dung, thời gian, đối tượng, chương trình đào tạo bồi dưỡng, dự toán chi phí, ……..) .....

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm (số lượng, chủng loại và thông số kỹ thuật, thời gian hỗ trợ, dự toán chi phí,.....).

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi (chi tiết khoa học kỹ thuật mới, quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng, dự toán kinh phí và các giấy tờ, tài liệu liên quan...) .....

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có) .....

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ .....

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết): .....

V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội): .....

2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ

I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

III. KIẾN NGHỊ

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 04

KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP

1. Chủ trì liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... , ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số…… ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... , Fax: ..... E-mail .....

b) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số……, ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail .....

c) .....

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết) .....

4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết

5. Địa điểm thực hiện liên kết: .....

II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....
- Quy mô liên kết: .....
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
- Hình thức liên kết: .....
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.

- Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết.

- Hỗ trợ đào tạo, tập huấn.

- Hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm.

- Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

VI. KIẾN NGHỊ

CHỦ TRÌ LIÊN KẾT
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Biểu mẫu 05

BẢN THỎA THUẬN
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)

Ngày ..... tháng ..... năm ..... , tại ....., ... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... , ngày cấp: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... , Fax: ..... E-mail .....

2. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... , ngày cấp: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... , Fax: ..... E-mail .....

3. .....

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT): .....

II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT

1. Địa bàn liên kết: .....

2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....

3. Quy mô liên kết: .....

4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....

5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT: ..... đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ ..... đồng

2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết ..... đồng

- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết) ..... đồng

- ..... (tên đơn vị tham gia liên kết) ..... đồng

3. Các nguồn vốn khác: ..... đồng

IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết) .....

2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận .....

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành ……..bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ …….bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ.....bản./.

Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết

ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT	**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT	**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*